

# HOÀN THIÊN PHÁP LUẬT VỀ HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA HỘI ĐỒNG DÂN TỘC VÀ CÁC ỦY BAN CỦA QUỐC HỘI VIỆT NAM

*Trương Thị Minh Thùy\**

**Tóm tắt:** Bài viết phân tích các bất cập của pháp luật hiện hành về hoạt động giám sát của Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội Việt Nam trên các phương diện: Văn bản quy định, chủ thể giám sát, phương thức giám sát và thẩm quyền của Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội trong việc xem xét kết quả giám sát. Trên cơ sở đó, bài viết đưa ra các kiến nghị hoàn thiện quy định pháp luật về các vấn đề này.

**Từ khoá:** Hoạt động giám sát, Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội.

**Abstract:** The article analyses the inadequacies of the current legislation regarding the supervisory activities of the Ethnic Council and the Committees of the National Assembly of Vietnam across several dimensions: regulatory instruments, subjects of supervision, methods of supervision, and the competence of the Ethnic Council and National Assembly Committees in reviewing the results of such supervision. Based on these findings, the article puts forward recommendations to improve legal regulations concerning these matters.

**Keywords:** Supervisory activities; the Ethnic Council; Committees of the National Assembly.

## 1. Đặt vấn đề

Giám sát là một trong những chức năng quan trọng của Quốc hội. Trong những năm qua, cùng với đổi mới trên lĩnh vực lập hiến, lập pháp và quyết định những vấn đề quan trọng của đất nước, hoạt động giám sát của Quốc hội, trong đó có giám sát của Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội đã có nhiều kết quả đáng ghi nhận. Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu đó, hoạt động giám sát của Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội vẫn còn tồn tại nhiều bất cập, chưa tương xứng với nhiệm vụ, quyền hạn và yêu cầu của sự nghiệp đổi mới và hội nhập. Trong khi đó, hiện nay, trong xu hướng chung đổi mới hoạt động của Quốc hội theo hướng hiệu quả, thực chất và

chuyên nghiệp hơn, nhiều ý kiến cho rằng, Quốc hội nên chuyển dần các hoạt động của mình về Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội<sup>1</sup>. Vì rằng, hiện nay, Quốc hội nước ta là một Quốc hội hoạt động không thường xuyên, họp thường kỳ mỗi năm hai kỳ. Ngoài ra, đa số các đại biểu Quốc hội ở nước ta lại là kiêm nhiệm. Do đó, với lợi thế về thời gian và khả năng chuyên môn, Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội có thể trở thành những nơi mà hoạt động thẩm tra, giám sát có thể đạt tới mức chuyên sâu hơn cả<sup>2</sup>.

<sup>1</sup> Thanh Tâm, *Chất vấn, giải trình hay điều trần - có lẽ chỉ là tên gọi*, Báo điện tử Đại biểu nhân dân, 01/10/2009, <https://daibieunhandan.vn/chat-van-giai-trinh-hay-dieu-tran-co-le-chi-la-ten-goi-post241757.html>, truy cập ngày 04/4/2025.

<sup>2</sup> Thanh Tâm, *Chất vấn, giải trình hay điều trần - có lẽ chỉ là tên gọi*, t.l.g.d.

\* ThS., Giảng viên Khoa Luật Hành chính – Nhà nước, Trường Đại học Luật Tp. Hồ Chí Minh.

Hiện nay, Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân năm 2015 đang được Quốc hội xem xét để sửa đổi, bổ sung. Theo khoản 3 Điều 1 Nghị quyết 75/2025/UBTVQH15 ngày 26/03/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội điều chỉnh Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh (Chương trình lập pháp) năm 2025 thì dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân sẽ được xem xét, thông qua vào Kỳ họp thứ 10 (tháng 10 năm 2025). Có thể thấy, hoạt động giám sát của Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội là một bộ phận quan trọng trong hoạt động giám sát của Quốc hội nói chung. Vì vậy, việc nghiên cứu để tìm ra những bất cập trong quy định pháp luật về vấn đề này là rất cần thiết, góp phần vào việc sửa đổi, bổ sung để hoàn thiện Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân năm 2015.

## 2. Nội dung

### 2.1. Về văn bản quy định

Ở nước ta hiện nay, hoạt động giám sát của Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội được quy định trong khá nhiều văn bản. Cụ thể bao gồm ba nhóm văn bản như sau: (i) Hiến pháp năm 2013<sup>3</sup>; (ii) Các đạo luật<sup>4</sup>; (iii) Các văn bản dưới luật<sup>5</sup>.

<sup>3</sup> Hoạt động giám sát của Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội Việt Nam được quy định tại bốn điều: Điều 75, 76, 77, 78 của Hiến pháp năm 2013.

<sup>4</sup> Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân năm 2015; Luật Tổ chức Quốc hội năm 2014 (được sửa đổi, bổ sung năm 2020, 2025).

<sup>5</sup> Nghị quyết 71/2025/UBTVQH15 ngày 18/02/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể và cơ cấu tổ chức của Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội; Nghị quyết số 334/2017/UBTVQH14 ngày 11/01/2017 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Quy chế tổ chức thực hiện một số hoạt động giám sát của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội, Đoàn đại biểu Quốc hội và đại biểu

Trước đây, hoạt động giám sát của Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội Việt Nam còn được quy định trong Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2020). Theo đó, Luật này đã dành ba điều (Điều 162, 163 và 164) để quy định về mục đích, chủ thể, nội dung giám sát văn bản quy phạm pháp luật và xử lý văn bản quy phạm pháp luật có dấu hiệu trái pháp luật. Khi Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025 ra đời, Luật mới này đã có sự sửa đổi rất hợp lý khi chỉ quy định tại Điều 62 rằng “*Việc giám sát văn bản quy phạm pháp luật thực hiện theo quy định của pháp luật về hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân, các luật khác có liên quan*”. Đây là cách quy định dẫn chiếu, tránh được sự trùng lặp, thậm chí là mâu thuẫn khi nhiều văn bản cùng quy định về một vấn đề.

Tuy nhiên, hiện nay, hoạt động giám sát của Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội Việt Nam vẫn còn được quy định trong rất nhiều văn bản. Trong đó, văn bản “lỗi”, mang tính chuyên ngành chính là Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân năm 2015. Trong khi đó, tại hầu hết các quốc gia trên thế giới, hiếm có quốc gia nào có một đạo luật riêng về hoạt động giám sát của Quốc hội. Ở hầu hết các quốc gia trên thế giới, ngoài quy định trong Hiến pháp, hoạt động giám sát của các Ủy ban của Quốc hội còn thường được quy định tập trung thông qua: (i) Luật (Luật về Quốc hội của Hàn Quốc, Luật Thanh tra,

Quốc hội; Nghị quyết số 560/NQ-UBTVQH15 ngày 22/7/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội hướng dẫn việc tổ chức thực hiện hoạt động giám sát văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội; Nghị quyết 969/NQ-UBTVQH15 ngày 25/01/2024 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội hướng dẫn tổ chức hoạt động giải trình tại phiên họp Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội.

điều tra quản lý nhà nước của Hàn Quốc, Luật về các Ủy ban của Nghị viện của tiểu bang Nam Úc); hoặc (ii) Quy tắc hoạt động của Quốc hội/Ủy ban (Standing Orders/Rules of Procedure/The rule of the house/committees) của Hà Lan, Đan Mạch, Úc, Philippines.... Trong đó, Quy tắc hoạt động của Quốc hội/Ủy ban là một loại văn bản khá phổ biến, được nhiều quốc gia trên thế giới sử dụng để quy định hầu như toàn bộ hoạt động của Quốc hội hoặc của Ủy ban của Quốc hội. Điều này tránh việc quy định một cách “rải rác” các hoạt động giám sát của các Ủy ban của Quốc hội trong quá nhiều văn bản. Từ đó, đảm bảo tính minh bạch, dễ tiếp cận đối với các quy định này.

Ở nước ta, một “điểm sáng” trong văn bản quy định về hoạt động giám sát của Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội Việt Nam là nước ta có hẳn một đạo luật riêng biệt quy định về vấn đề này. Đó chính là Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân năm 2015. Luật này được xem là văn bản chuyên ngành quy định về hoạt động giám sát của Quốc hội, Hội đồng nhân dân nói chung, trong đó có hoạt động giám sát của Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội. Hiện nay, nước ta cũng có những dạng văn bản tương tự như Quy tắc hoạt động của Quốc hội/Ủy ban ở các nước. Đó là Nội quy kỳ họp Quốc hội<sup>6</sup>, Quy chế làm việc mẫu của Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội<sup>7</sup>. Tuy nhiên, hai văn bản này không có những quy định chuyên sâu và toàn diện về hoạt động giám sát của Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội Việt Nam. Vì vậy, việc

tập hợp các quy định về vấn đề này vào một trong hai văn bản trên là không khả thi. Thay vào đó, những quy định trên nên được “tích hợp” vào Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân. Đạo luật này sẽ quy định tất cả những vấn đề về hoạt động giám sát của Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội Việt Nam. Những đạo luật khác có liên quan khi quy định về vấn đề này chỉ cần dẫn chiếu đến Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân. Bên cạnh đó, theo khoản 2 Điều 5 Luật Tổ chức Quốc hội năm 2014 (được sửa đổi, bổ sung năm 2020, 2025), “*Luật chỉ quy định các vấn đề mang tính ổn định, có giá trị lâu dài; quy định cụ thể các nội dung liên quan đến quyền con người, quyền, nghĩa vụ của công dân, tố tụng tư pháp, các vấn đề có ảnh hưởng lớn đến đời sống xã hội, mối quan hệ giữa Nhà nước với công dân và xã hội. Đối với các nội dung quản lý nhà nước theo từng lĩnh vực, các vấn đề mới, có tính kiến tạo phát triển, các vấn đề chưa có thực tiễn kiểm nghiệm, luật chỉ quy định các nội dung chính sách có tính nguyên tắc, định hướng thuộc thẩm quyền của Quốc hội để thể chế hóa chủ trương, chính sách của Đảng; phân quyền cho Chính phủ, các cơ quan trong bộ máy nhà nước trong việc tiếp tục cụ thể hóa các quy định của luật và thực hiện phân cấp bảo đảm phù hợp với năng lực tổ chức thực hiện của từng cơ quan, tổ chức, chính quyền địa phương các cấp và kịp thời đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội trong từng giai đoạn; cơ bản không quy định các nội dung về thủ tục hành chính, về quy trình, quy chuẩn chuyên môn, kỹ thuật và các nội dung có tính biến động cao*”. Do đó, đối với những vấn đề liên quan đến hoạt động giám sát của Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội nhưng lại không mang tính ổn định, không có giá trị lâu dài hay những vấn

<sup>6</sup> Nghị quyết 71/2022/QH15 ngày 15/11/2022 của Quốc hội ban hành Nội quy kỳ họp Quốc hội.

<sup>7</sup> Nghị quyết 283/2021/NQ-UBTVQH15 ngày 27/8/2021 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về Quy chế làm việc mẫu của Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội.

đề mang tính thủ tục, quy trình thì Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân có thể giao cho Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định chi tiết.

## 2.2. Về chủ thể giám sát

Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội là chủ thể thực hiện hoạt động giám sát của các cơ quan này. Do đó, cơ cấu tổ chức, cách thức hoạt động... của những cơ quan này có ý nghĩa quan trọng, ảnh hưởng lớn đến hiệu quả giám sát. Theo Điều 66 Luật Tổ chức Quốc hội năm 2014 (được sửa đổi, bổ sung năm 2020, 2025), Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội là các cơ quan của Quốc hội, do Quốc hội quyết định thành lập trên cơ sở đề nghị của Ủy ban Thường vụ Quốc hội để thực hiện chức năng hoạt động thường xuyên quy định tại Điều 68a của Luật này, chịu trách nhiệm và báo cáo công tác trước Quốc hội; trong thời gian Quốc hội không họp thì báo cáo công tác trước Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Như vậy, Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội được xem là cơ quan thực hiện chức năng hoạt động thường xuyên. Nhưng theo khoản 3 Điều 67 Luật này, Thường trực Hội đồng Dân tộc, Thường trực Ủy ban của Quốc hội là bộ phận thường trực, làm việc thường xuyên giúp Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội giải quyết các công việc của Hội đồng, Ủy ban trong thời gian Hội đồng, Ủy ban không họp và thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định và phân công của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, lãnh đạo Quốc hội. Tức là, Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội không phải là cơ quan hoạt động thường xuyên. Đây là hai quy định chưa thống nhất về việc Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội có phải là cơ quan hoạt động thường xuyên hay không.

Bên cạnh đó, theo Điều 67 Luật này, Hội đồng Dân tộc gồm có Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, các Ủy viên là đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách tại Hội đồng Dân tộc và Ủy viên là đại biểu Quốc hội hoạt động kiêm nhiệm của Hội đồng Dân tộc. Ủy ban của Quốc hội gồm có Chủ nhiệm, các Phó Chủ nhiệm, các Ủy viên là đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách tại Ủy ban và Ủy viên là đại biểu Quốc hội hoạt động kiêm nhiệm của Ủy ban. Với quy định này, thành phần của Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội bao gồm cả đại biểu Quốc hội kiêm nhiệm. Không những thế, trên thực tế, Chủ tịch Hội đồng Dân tộc và các Chủ nhiệm Ủy ban thường được cơ cấu là thành viên của Ủy ban Thường vụ Quốc hội - một cơ quan hoạt động thường xuyên<sup>8</sup>. Thực trạng kiêm nhiệm này là một điều rất khó khăn cho các đại biểu Quốc hội với vai trò là thành viên của Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội. Bởi lẽ, với công việc kiêm nhiệm của mình, đại biểu Quốc hội sẽ rất khó để hoàn thành các nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội. Điều này phần nào sẽ làm giảm tính hiệu quả trong việc thực hiện hoạt động giám sát của các cơ quan này. Trên thực tế, bộ phận thường trực của các cơ quan này (Thường trực Hội đồng Dân tộc, Thường trực Ủy ban của Quốc hội) hầu như là bộ phận giải quyết hầu hết các công việc của Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội, kể cả việc giám sát. Tuy nhiên, theo khoản 1 Điều 68 Luật Tổ chức Quốc hội năm 2014 (được sửa đổi, bổ sung năm

<sup>8</sup> Hiện nay, Chủ tịch Hội đồng Dân tộc và 07 Chủ nhiệm Ủy ban của Quốc hội đều là thành viên của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Xem thêm tại: “Ủy ban Thường vụ Quốc hội”, *Cổng thông tin điện tử Ủy ban Thường vụ Quốc hội*, <https://quochoi.vn/UBTVQH/gioithieu/Pages/cac-thanh-vien-khoa-XV.aspx>, truy cập ngày 08/10/2025.

2020, 2025), Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội làm việc theo chế độ tập thể, quyết định theo đa số kết hợp với đề cao trách nhiệm của Thường trực Hội đồng, Thường trực Ủy ban và vai trò điều hành của Chủ tịch Hội đồng, Chủ nhiệm Ủy ban. Điều này có nghĩa là, mặc dù trách nhiệm của Thường trực Hội đồng, Thường trực Ủy ban được đề cao nhưng bản chất Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội vẫn là những cơ quan làm việc theo chế độ tập thể, quyết định theo đa số. Do đó, việc đòi hỏi sự tham gia thường xuyên của các thành viên của Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội vào những hoạt động của các cơ quan này là cần thiết. Để đảm bảo được điều này, cần hướng đến việc quy định rõ Hội đồng Dân tộc và các cơ quan của Quốc hội là cơ quan hoạt động thường xuyên. Thành viên của các cơ quan này là đại biểu Quốc hội chuyên trách. Điều này sẽ đảm bảo được các thành viên của Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội có đủ thời gian, tâm sức để tập trung vào công việc của các cơ quan này, đặc biệt là vào việc thực hiện hoạt động giám sát.

### 2.3. Về phương thức giám sát

Điều 37 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân năm 2015 quy định về các hoạt động giám sát của Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội, bao gồm sáu hoạt động giám sát sau: (i) Thẩm tra báo cáo của Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Kiểm toán nhà nước quy định tại khoản 1 Điều 13 của Luật này thuộc lĩnh vực Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội phụ trách hoặc theo sự phân công của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; (ii) Giám sát văn bản quy phạm pháp luật quy định tại điểm c khoản 1 Điều 4 của Luật này; (iii) Giám sát chuyên đề; (iv) Tổ chức hoạt động giải trình những vấn đề thuộc lĩnh vực Hội đồng Dân

tộc, Ủy ban của Quốc hội phụ trách; (v) Giám sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị của công dân; (vi) Kiến nghị về việc bỏ phiếu tín nhiệm đối với người giữ chức vụ do Quốc hội bầu hoặc phê chuẩn.

Tuy nhiên, hoạt động điều tra lại không được liệt kê ở đây, mà được quy định tại mục 1 Chương 2 Luật này về hoạt động giám sát tối cao của Quốc hội. Cụ thể, Điều 17 Luật này về xem xét báo cáo của Ủy ban lâm thời quy định về điều kiện thành lập và nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban lâm thời. Điều này đặt ra một vấn đề là: Hoạt động điều tra của Ủy ban lâm thời có được xem là một phương thức của Ủy ban của Quốc hội không? Theo chúng tôi, câu trả lời là “có”. Tuy nhiên, do kỹ thuật lập pháp (cách thiết kế các điều luật trong Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân năm 2015), Điều 37 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân năm 2015 có vẻ đã “bỏ quên” phương thức giám sát này.

Bên cạnh đó, Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân năm 2015 không quy định về thời gian kết thúc hoạt động điều tra của Ủy ban lâm thời. Vấn đề này được quy định tại Điều 89 Luật Tổ chức Quốc hội năm 2014 (được sửa đổi, bổ sung năm 2020, 2025). Theo đó, Ủy ban lâm thời chấm dứt hoạt động sau khi đã hoàn thành nhiệm vụ. Với quy định này, Luật chưa dự liệu được thời điểm kết thúc hoạt động điều tra của Ủy ban lâm thời. Vì rằng, thời điểm này phụ thuộc vào việc hoàn thành nhiệm vụ của Ủy ban lâm thời. Điều này có thể dẫn đến tình trạng tránh kéo dài hoạt động của Ủy ban lâm thời, làm mất đi tính chất được thành lập để giải quyết vụ việc cụ thể của cơ quan này<sup>9</sup>.

<sup>9</sup> Trương Thị Hồng Hà, *Hoàn thiện cơ chế pháp lý đảm bảo chức năng giám sát của Quốc hội*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2009, tr. 297.

Để khắc phục các bất cập trên, Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân năm 2015 nên quy định theo hướng Điều 17 chỉ đưa ra các quy định về trình tự, thủ tục và hệ quả của hoạt động xem xét báo cáo của Ủy ban lâm thời. Còn Điều 37 Luật này nên chia thành hai khoản. Trong đó, khoản 1 quy định về những hoạt động giám sát chung của Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội; khoản 2 quy định về hoạt động điều tra của Ủy ban lâm thời. Bởi lẽ, hiện nay, điều tra chỉ là một hoạt động giám sát của riêng Ủy ban lâm thời. Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban thường trực của Quốc hội không có quyền điều tra. Song song đó, mục 1 Chương 2 Luật này cũng cần bổ sung thêm một điều luật quy định về điều kiện thành lập Ủy ban lâm thời, thẩm quyền điều tra, trình tự, thủ tục tiến hành điều tra, hệ quả của hoạt động điều tra và thời điểm kết thúc hoạt động của Ủy ban lâm thời. Trong đó, Luật cần dự liệu thời điểm kết thúc hoạt động của Ủy ban lâm thời căn cứ vào tính chất vụ việc được điều tra để đảm bảo việc điều tra được tiến hành một cách tập trung, nhanh chóng, kịp thời.

#### ***2.4. Về thẩm quyền của Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội trong việc xem xét kết quả giám sát***

Theo Điều 46 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân năm 2015, căn cứ vào kết quả giám sát, Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội có ba thẩm quyền sau:

*Thứ nhất*, Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội kiến nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, đình chỉ việc thi hành, bãi bỏ một phần hoặc toàn bộ văn bản quy phạm pháp luật. Thẩm quyền này được quy định rõ hơn tại Điều 40 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân năm 2015. Theo đó,

trường hợp văn bản quy phạm pháp luật trái với Hiến pháp, luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội kiến nghị cơ quan, cá nhân đã ban hành văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ một phần hoặc toàn bộ văn bản đó. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được kiến nghị, cơ quan, cá nhân phải xem xét, thực hiện và thông báo cho Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội biết. Quá thời hạn này mà cơ quan, cá nhân đã ban hành văn bản không thực hiện kiến nghị hoặc thực hiện không đáp ứng với yêu cầu thì Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội kiến nghị Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ đình chỉ thi hành, bãi bỏ một phần hoặc toàn bộ văn bản đó theo thẩm quyền. Tuy nhiên, Luật này chưa quy định rõ thời hạn để Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội đưa ra kiến nghị. Điều này có thể tạo nên sự trì trệ trong việc xử lý kết quả giám sát. Bên cạnh đó, Luật cũng chưa quy định rõ thời hạn mà Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ phải đình chỉ thi hành, bãi bỏ một phần hoặc toàn bộ văn bản đó. Đồng thời, Luật cũng chưa quy định cách thức mà Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội xử lý trong trường hợp “đợi mãi” mà Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ vẫn chưa đình chỉ thi hành, bãi bỏ một phần hoặc toàn bộ văn bản trái pháp luật. Để khắc phục những bất cập trên, Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân nên bổ sung quy định về các vấn đề sau: (i) Thời hạn Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội đưa ra kiến nghị để Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ đình chỉ thi hành, bãi bỏ một phần hoặc toàn bộ văn bản đó theo thẩm quyền; (ii) Thời hạn mà Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ phải đình chỉ thi hành, bãi bỏ một phần hoặc

toàn bộ văn bản đó; (iii) Cách thức xử lý của Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội trong trường hợp Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ không đình chỉ thi hành, bãi bỏ một phần hoặc toàn bộ văn bản trái pháp luật.

*Thứ hai*, Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội kiến nghị với Thủ tướng Chính phủ, các thành viên khác của Chính phủ, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tổng Kiểm toán nhà nước và những người đứng đầu cơ quan, tổ chức có liên quan về những vấn đề thuộc lĩnh vực Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội phụ trách. Người nhận được kiến nghị có trách nhiệm xem xét và trả lời trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được kiến nghị. Quá thời hạn này mà không nhận được trả lời hoặc trường hợp không tán thành với nội dung trả lời thì Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội có quyền kiến nghị với Chủ tịch Quốc hội yêu cầu người nhận được kiến nghị trả lời tại phiên họp Ủy ban Thường vụ Quốc hội hoặc tại kỳ họp Quốc hội gần nhất; đối với Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thì đề nghị Thủ tướng Chính phủ xem xét.

Với quy định này, quyền kiến nghị với Chủ tịch Quốc hội được quy định khá rõ ràng. Tuy nhiên, quyền đề nghị đối với Thủ tướng Chính phủ về Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lại chưa được quy định rõ. Cụ thể, Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân năm 2015 không quy định nội dung để Thủ tướng Chính phủ xem xét là gì (xem xét những vấn đề thuộc lĩnh vực Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội phụ trách hay xem xét việc quá thời hạn này mà Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội vẫn không nhận được trả lời hoặc không tán thành với nội dung trả lời hay xem xét cả hai vấn đề này) và cách thức xử lý cụ thể

của Thủ tướng Chính phủ. Điều này có thể tạo nên sự tùy nghi, thậm chí là “bỏ ngỏ” trong việc xử lý kết quả giám sát. Do đó, Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân cần bổ sung vấn đề này để đảm bảo tính toàn diện, rõ ràng trong việc xử lý kết quả giám sát.

*Thứ ba*, Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền áp dụng các biện pháp cần thiết để kịp thời chấm dứt hành vi vi phạm pháp luật, xem xét trách nhiệm, xử lý người vi phạm, khôi phục lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân bị vi phạm. Tuy nhiên, thẩm quyền này được quy định khá chung chung, chưa xác định rõ được thời hạn mà chủ thể được yêu cầu phải trả lời Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội cũng như cách thức xử lý trong trường hợp các chủ thể này không thực hiện yêu cầu của Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội. Đây là những vấn đề mà Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân năm 2015 cần bổ sung quy định một cách rõ ràng hơn.

### 3. Kết luận

Việc hoàn thiện pháp luật về hoạt động giám sát của Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội cần được thực hiện trên cơ sở bảo đảm tính minh bạch, khả thi và tương thích với yêu cầu thực tiễn. Đặc biệt, cần chú trọng hoàn thiện pháp luật về văn bản quy định, chủ thể giám sát, phương thức giám sát và thẩm quyền của Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội trong việc xem xét kết quả giám sát. Sự hoàn thiện này sẽ là một trong những yếu tố đảm bảo hoạt động giám sát không chỉ dừng lại ở hình thức mà thực sự trở thành công cụ kiểm soát quyền lực hiệu quả, góp phần xây dựng một nền quản trị nhà nước dân chủ, pháp quyền và hiện đại.